TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do-Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 08/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 28/02/2022.
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Đình Thành**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **La Văn Hợp**, ông **Nguyễn Văn Được**.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2021/TLST-HN&GĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:
Bà Bùi Thị S - S năm: 1976 (Có mặt).
Trú tại: Tổ 6, khu phố Tân Trà, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn:
Ông Bồ Văn L - S năm: 1967 (Có mặt).
Trú tại: Tổ 6, khu phố Tân Trà, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đã nộp cho Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày*:

Bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu bà S và ông L chung sống rất hạnh phúc, cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái nhưng đến khoảng năm 2017 thì giữa bà S và ông L bắt đầu phát s mâu thuẫn, nguyên nhân phát s mâu thuẫn là do

giữa bà S và ông L bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Bà S và ông L đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm giữa bà S và ông L không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông L.

Về con chung, trong thời gian chung sống bà S và ông L có hai người con chung tên Bồ Văn Long – S năm: 1994 và Bồ Văn Linh – S năm: 1999 nhưng hiện các con chung đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, bà S và ông L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai đã nộp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn – Ông Bồ Văn L trình bày:*

Ông Bồ Văn L và bà Bùi Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu ông L và bà S chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2017 thì giữa ông L và bà S bắt đầu phát s mâu thuẫn, nguyên nhân phát s mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Ông L và bà S đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm giữa ông L và bà S không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà S làm đơn xin ly hôn với ông L, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L và bà S được ly hôn.

Về con chung, trong thời gian chung sống ông L và bà S có hai người con chung tên Bồ Văn Long – S năm: 1994 và Bồ Văn Linh – S năm: 1999 nhưng hiện các con chung đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, ông L và bà S tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 12; Điều 14; Điều 81và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S, không công nhận quan hệ giữa bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* do bà Bùi Thị S đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Bồ Văn L có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, khu phố Tân Trà, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L đều thừa nhận bà S và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu bà S và ông L chung sống rất hạnh phúc, cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái nhưng đến khoảng năm 2017 thì giữa bà S và ông L bắt đầu phát s mâu thuẫn, nguyên nhân phát s mâu thuẫn là do giữa bà S và ông L bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Bà S và ông L đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2018 cho đến nay.

Bà S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông L, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà S.

Hội đồng xét xử xét thấy, do bà S và ông L có đủ điều kiện kết hôn, bà S và ông L không đăng ký kết hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 thì việc chung sống giữa bà S và ông L không làm phát s quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà S làm đơn ly hôn với ông L, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông L.

[2.2] Về con chung:

Tuy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L nhưng quyền và nghĩa vụ đối với con chung của bà S và ông L vẫn phải giải quyết theo Điều 15 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015.

Cả bà S và ông L đều thừa nhận trong thời gian chung sống, bà S và ông L có hai người con chung tên Bồ Văn Long – S năm: 1994 và Bồ Văn Linh – S năm: 1999 nhưng hiện các con chung đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, bà S và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L có hai người con chung tên Bồ Văn Long – S năm: 1994 và Bồ Văn Linh – S năm: 1999 nhưng hiện các con chung đều đã trưởng thành đủ 18 tuôi, bà S và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004138 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Thị S và ông Bồ Văn L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- CCTHADS thành phố Đồng Xoài;
- UBND phường Tân Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CAO ĐÌNH THÀNH